

TIỂU LUẬN MÔN: CƠ HỌC XÂY DỰNG

1. YÊU CẦU BÀI LÀM:

-  Bài tập làm trên khổ giấy A4 một mặt, có kẻ khung viền, có đánh số trang, chữ viết rõ ràng, không gôm, xóa.
-  Bìa cứng, trang bìa trên cùng ghi tên Trường....., Khoa..... Ở giữa ghi: Tiểu luận CƠ HỌC XÂY DỰNG. Ở dưới bên phải ghi họ và tên giáo viên, tên sinh viên, lớp và ngày hoàn thành.

(nếu sinh viên thực hiện không đúng các quy định trên thì không nhận bài)

2. HƯỚNG DẪN PHÂN CÔNG ĐỀ BÀI.

Sinh viên dựa vào **số thứ tự** trong danh sách lớp của Phòng Đào Tạo để nhận số liệu và các sơ đồ theo nguyên tắc sau:

Số hàng đơn vị trong số thứ tự chỉ sơ đồ tính đã cho.

Số hàng chục trong số thứ tự chỉ cột tải trọng, kích thước.

Ví dụ: Anh Nguyễn Văn A. có số thứ tự **03** thì làm bài có **sơ đồ là 3** và số liệu $a = 2m$

3. BẢNG SỐ LIỆU.

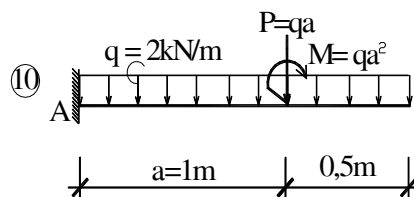
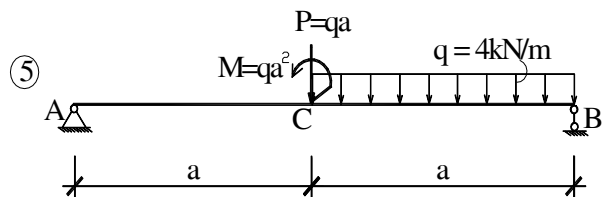
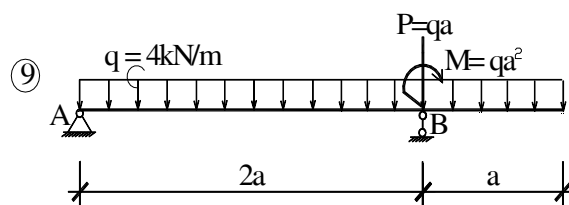
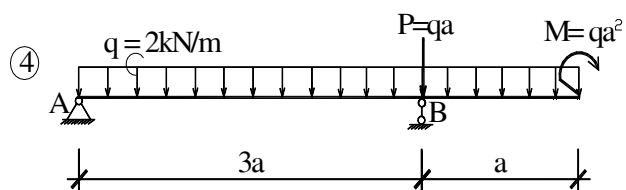
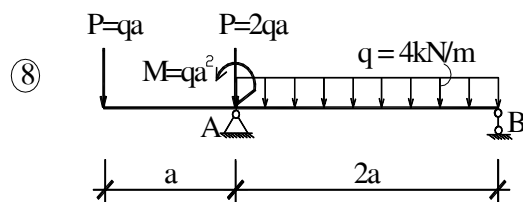
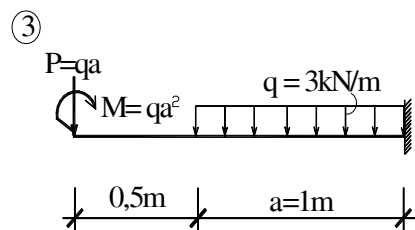
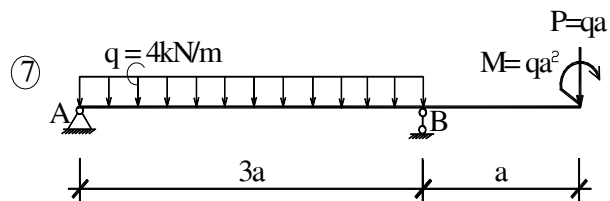
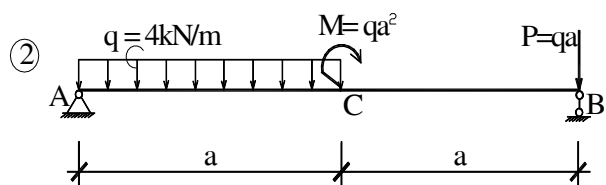
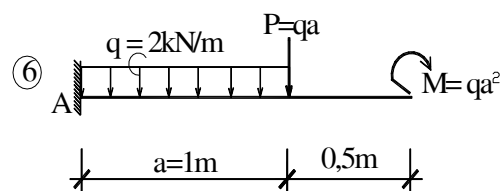
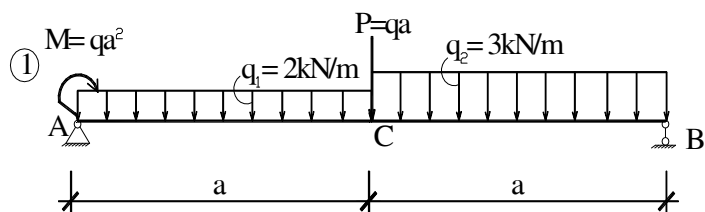
STT	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
a (m)	2	2,5	3	3	2,5	2	2	2,5	3	2

PHẦN A.

ĐỀ BÀI: Cho dầm có kích thước, sơ đồ chịu lực và mặt cắt hình chữ nhật ($b \times h = 5 \times 10$ cm) như hình vẽ.

Yêu cầu:

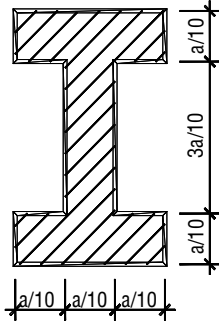
- 1) *Vẽ biểu đồ nội lực Q_y , M_x bằng phương pháp mặt cắt.*
- 2) *Kiểm tra lại biểu đồ đã vẽ bằng phương pháp vẽ nhanh.*
- 3) *Kiểm tra bền cho dầm theo điều kiện ứng suất pháp cho phân tố ở trạng thái ứng suất đơn.*
- 4) *Kiểm tra bền cho dầm theo điều kiện ứng suất tiếp lớn nhất cho phân tố ở trạng thái ứng suất trượt thuần túy.*



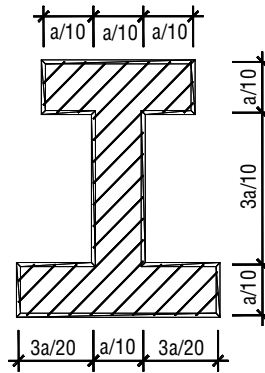
PHẦN B.**ĐỀ BÀI:** Cho các hình phẳng có kích thước như hình.**Yêu cầu:**

- Xác định hệ trục quán tính chính trung tâm xOy .
- Tính mômen quán tính chính trung tâm I_x, I_y .
- Tính bán kính quán tính chính trung tâm i_x, i_y .

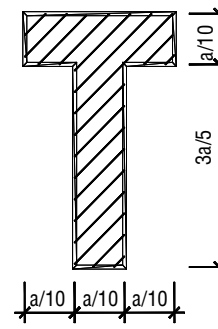
1/



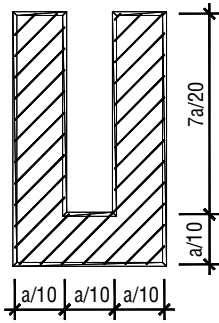
2/



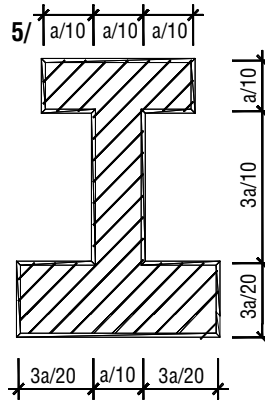
3/



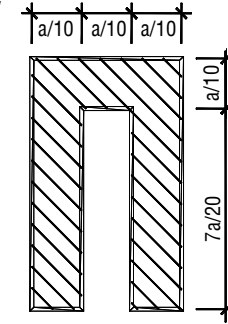
4/



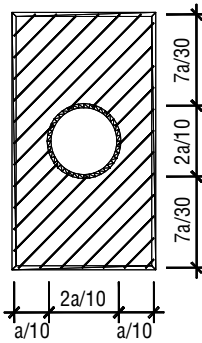
5/



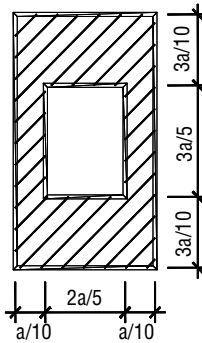
6/



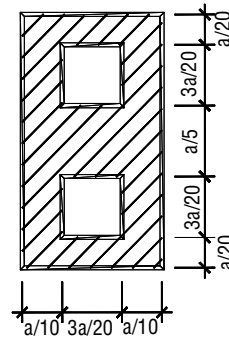
7/



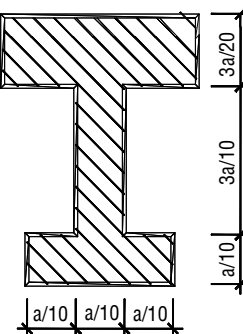
8/



9/



10/





DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬP ĐIỂM LỚP HỌC PHẦN

Đợt: HK2 (2020 - 2021) Lớp học phần: [071400209901] - Cơ học xây dựng (19T4-KXD1)

STT	Thông tin sinh viên						Thường xuyên						TBTk	Được dự thi	Cuối kỳ	Ghi chú
	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Hệ số 1			Hệ số 2						
							1	2	3	1	2	3				
1	19000883	Trần Quốc	Bảo	Nam	28/11/2003	19T4-KXD1	6.00			4.00			4.70			Nợ học phí
2	19001510	Trương Gia	Bảo	Nam	26/06/2004	19T4-KXD1	7.00			4.00			5.00			Nợ học phí
3	19001023	Phạm Thanh	Bình	Nam	29/05/2003	19T4-KXD1	2.00			2.00			2.00			Nợ học phí, Không đủ điểm, Vắng quá số tiết
4	19000246	Phan Việt	Cường	Nam	18/08/2004	19T4-KXD1	9.00			9.00			9.00	V		
5	19003179	Nguyễn Quốc	Đạt	Nam	25/11/2003	19T4-KXD1	7.00			4.00			5.00	V		
6	19001015	Đinh Trần Cao	Duy	Nam	06/08/2004	19T4-KXD1	2.00			2.00			2.00			Nợ học phí, Không đủ điểm
7	19001055	Trần Trọng	Hiếu	Nam	12/10/2003	19T4-KXD1	6.00			4.00			4.70			Nợ học phí
8	19005181	Nguyễn Văn	Hùng	Nam	01/03/2001	19T4-KXD1	0.00			0.00			0.00			Nợ học phí, Không đủ điểm, Vắng quá số tiết
9	19000320	Hà Phúc	Hưng	Nam	13/11/2004	19T4-KXD1	0.00			0.00			0.00			Nợ học phí, Không đủ điểm, Vắng quá số tiết
10	19003784	Mai Anh	Huy	Nam	10/04/2001	19T4-KXD1	2.00			3.00			2.70			Nợ học phí, Không đủ điểm, Vắng quá số tiết
11	19005393	Nguyễn Hoàng Quốc	Huy	Nam	12/10/2003	19T4-KXD1	1.00			0.00			0.30			Không đủ điểm, Vắng quá số tiết
12	19000928	Phạm Anh	Huy	Nam	27/04/2003	19T4-KXD1	6.00			4.00			4.70	V		
13	19001942	Trần Duy	Khánh	Nam	02/01/2004	19T4-KXD1	4.00			4.00			4.00	V		
14	19000812	Huỳnh Trần Hải	My	Nữ	28/08/2004	19T4-KXD1	4.00			4.00			4.00	V		
15	19001190	Nguyễn Hoài	Nam	Nam	03/05/2002	19T4-KXD1	0.00			2.00			1.30			Không đủ điểm, Vắng quá số tiết
16	19002924	Nguyễn Quốc	Nghĩa	Nam	15/03/2004	19T4-KXD1	6.00			3.00			4.00			Nợ học phí
17	19000173	Trần Bích	Ngọc	Nữ	03/12/2004	19T4-KXD1	0.00			0.00			0.00			Nợ học phí, Không đủ điểm, Vắng quá số tiết
18	19002031	Phan Hoàng	Phúc	Nam	05/03/2004	19T4-KXD1	2.00			0.00			0.70			Không đủ điểm
19	19000620	Nguyễn Phan Trung	Quân	Nam	06/11/2004	19T4-KXD1	4.00			4.00			4.00			Nợ học phí
20	19001738	Trần Anh	Tài	Nam	14/07/2003	19T4-KXD1	6.00			4.00			4.70			Nợ học phí
21	19001876	Ngô Văn	Thanh	Nam	18/10/2004	19T4-KXD1	8.00			7.00			7.30			Nợ học phí
22	19001691	Nguyễn Diệp	Thành	Nam	12/09/2004	19T4-KXD1	5.00			5.00			5.00	V		
23	19001689	Sân Chí	Thành	Nam	24/01/2004	19T4-KXD1	0.00			0.00			0.00			Nợ học phí, Không đủ điểm, Vắng quá số tiết
24	19001469	Đặng Trần Phúc	Thịnh	Nam	08/01/2004	19T4-KXD1	8.00			8.00			8.00	V		
25	19003459	Nguyễn Thanh	Thương	Nam	02/04/2004	19T4-KXD1	4.00			5.00			4.70			Nợ học phí
26	19003876	Phạm Văn	Tú	Nam	07/08/2003	19T4-KXD1	6.00			4.00			4.70	V		
27	19001340	Đặng Thanh	Tuấn	Nam	14/01/2004	19T4-KXD1	8.00			5.00			6.00	V		
28	19001833	Trương Ngọc	Viên	Nam	01/04/2004	19T4-KXD1	8.00			7.00			7.30	V		
29	19001212	Trương Ngọc	Vinh	Nam	20/08/2004	19T4-KXD1	5.00			4.00			4.30	V		
Tổng cộng:		29														

TP. HCM, ngày 06 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu

Nguyễn Trọng Thạch